

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HKII – KHÔI 6 (2016-2017)

I/ Hệ thống các văn bản đã học:

STT	Văn bản (Tác phẩm)	Tác giả	Thể loại	Phương thức biểu đạt	Đại ý
1	Bài học đường đời đầu tiên (Dế Mèn phiêu lưu kí)	Tô Hoài	Truyện	Tự sự, miêu tả	Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính tình kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò chọc chị Cốc nên gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn ân hận rút ra bài học cho mình.
2	Sông nước Cà Mau (Đất rừng phương Nam)	Đoàn Giỏi	Truyện	Tự sự, miêu tả	Cảnh sông nước Cà Mau có vẻ đẹp rộng lớn, hùng vĩ. Chợ Năm Căn là hình ảnh cuộc sống tấp nập, trù phú, độc đáo ở vùng đất tận cùng phía nam Tổ quốc.
3	Bức tranh của em gái tôi	Tạ Duy Anh	Truyện	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Tình cảm trong sáng hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp cho người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình.
4	Vượt thác (Quê nội)	Võ Quảng	Truyện	Tự sự, miêu tả	Miêu tả cảnh vượt thác của con thuyền trên sông Thu Bồn, làm nổi bật vẻ hùng dũng và sức mạnh của người lao động trên nền cảnh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ.
5	Buổi học cuối cùng	An-phông-xơ Đô-đê	Truyện	Tự sự, miêu tả	Thể hiện lòng yêu nước trong một biểu hiện cụ thể là tình yêu tiếng nói của dân tộc.
6	Đêm nay Bác không ngủ	Minh Huệ	Thơ năm chữ	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Thể hiện tâm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn của Bác với bộ đội và nhân dân đồng thời thể hiện tình cảm yêu kính, cảm phục của người chiến sĩ đối với lãnh tụ.
7	Lượm	Tố Hữu	Thơ bốn chữ	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Khắc họa hình ảnh chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi, hăng hái, dũng cảm. Lượm đã hi sinh nhưng hình ảnh của em còn mãi với quê hương, đất nước và trong lòng mọi người.
8	Mưa	Trần Đăng Khoa	Thơ tự do	Miêu tả, biểu cảm	Miêu tả chính xác và sinh động cảnh vật thiên nhiên trước và trong cơn mưa rào ở làng quê.
9	Cô Tô	Nguyễn Tuấn	Kí	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên Đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp.
10	Cây tre Việt Nam	Thép Mới	Kí	Tự sự, miêu tả, biểu cảm	Cây tre là người bạn thân thiết lâu đời của người nông dân và nhân dân VN. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành một biểu tượng của đất nước, dân tộc VN.
11	Lòng yêu nước (bài báo Thử lửa)	I-li-a Ê-ren-bua		Nghị luận	Thể hiện tinh thần yêu nước tha thiết, sâu sắc và nêu chân lí: “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.
12	Lao xao (Tuổi thơ im lặng)	Duy Khán	Kí	Tự sự, miêu tả	Bức tranh cụ thể, sinh động, nhiều màu sắc về Thế giới các loài chim ở đồng quê.

II/ TIẾNG VIỆT

1. Phó từ: đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa.

VD: đã, đang, sẽ, rất, quá, lắm, cũng, vẫn, hãy, đừng, chớ, chưa, chẳng, không...

2. Các biện pháp tu từ:

a/ So sánh: đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít **như** mạng nhện.

- Có 2 kiểu so sánh:

+ So sánh ngang bằng: Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch **như** tấm kính lau hết mây hết bụi.

+ So sánh không ngang bằng: Bóng Bác cao lồng lộng

Ấm **hơn** ngọn lửa hồng

b/ Nhân hóa: gọi/tả con vật, cây cối, đồ vật... bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi/tả con người; làm thế giới loài vật, đồ vật, cây cối... trở nên gần gũi, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

VD: Tre **xung phong** vào xe tăng, đại bác.

- Có 3 kiểu nhân hóa:

+ Dùng những từ gọi người để gọi vật: **Chị** phượng nở hoa rực rỡ vào mùa hè.

+ Dùng những từ chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật: Gậy tre, chông tre **chống lại** sắt thép của quân thù.

+ Trò chuyện, xưng hô với vật như với người: Trâu **oi**, ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta

c/ Ẩn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: **Người Cha** mái tóc bạc

- Có 4 kiểu ẩn dụ:

+ Ẩn dụ hình thức

+ Ẩn dụ cách thức

+ Ẩn dụ phẩm chất

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

d/ Hoán dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD: Ngày Huế **đỏ máu**

- Có 4 kiểu hoán dụ:

+ Lấy một bộ phận để gọi toàn thể

+ Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật

+ Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

3. Các thành phần chính của câu:

a/ Chủ ngữ: nêu tên sự vật, hiện tượng, khái niệm...

- Để xác định **chủ ngữ** trong câu đặt câu hỏi **Ai? Con gì? Cái gì?**

b/ Vị ngữ: nêu hoạt động, đặc điểm, trạng thái...

- Để xác định **vị ngữ** trong câu đặt câu hỏi **Làm gì? Làm sao? Như thế nào? Là gì?**

4. Câu trần thuật đơn: do một cụm C-V tạo thành dùng để giới thiệu, kể, tả, nêu ý kiến.

VD: Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn.

a/ Câu trần thuật đơn có từ là: vị ngữ do từ **là** + **DT (CỤM DT)** hoặc **là** + **ĐT (CỤM ĐT)** hay **là** + **TT (CỤM TT)** tạo thành.

VD: Tre **là cánh tay của người nông dân**.

- Các kiểu câu TTĐ có từ là:

+ Câu định nghĩa

+ Câu giới thiệu

+ Câu miêu tả

+ Câu đánh giá

b/ Câu trần thuật đơn không có từ là: vị ngữ do **ĐT (CỤM ĐT)** hoặc **TT (CỤM TT)** tạo thành.

VD: Cây hoa lan **nở hoa trắng xóa**.

- Các kiểu câu TTĐ không có từ là:

+ Câu miêu tả: **chủ ngữ đứng trước vị ngữ**

VD: Tre/hi sinh để bảo vệ con người.

CN

VN

+ Câu tồn tại: **vị ngữ đứng trước chủ ngữ**

VD: Dưới gốc tre, tua tủa/những mầm măng.

VN

CN

III/ TẬP LÀM VĂN

- Nội dung ôn tập: **Tả cảnh quen thuộc : trường, khu phố, con đường...**

Dàn ý chung:

1/ **Mở bài:** giới thiệu chung về cảnh được miêu tả.

2/ **Thân bài:** miêu tả cảnh sẽ tả

. Miêu tả từng bộ phận, chi tiết của cảnh:

+ Vị trí, điểm của từng khu vực.

+ Hoạt động của mọi người, mọi vật trong cảnh.

Hoặc:

. Miêu tả theo trình tự không gian, thời gian.

+ Buổi sáng.

+ Buổi trưa, chiều.

+ Buổi tối.

+ Toàn cảnh thay đổi từ trên xuống dưới, từ xa đến gần (hoặc ngược lại)

3/ **Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về đối với cảnh vừa tả.

- Nêu nhận xét và cảm xúc trước cảnh đã tả.

- Những ấn tượng đối với cảnh tả.

*** Lưu ý:**

- Bài văn phải có bố cục 3 phần MB, TB, KB rõ ràng. Phần TB nên tách đoạn hợp lý.

- Chọn lọc những chi tiết đặc sắc, tiêu biểu để đưa vào bài.

- Miêu tả theo một thứ tự hợp lý phù hợp với đối tượng miêu tả.

- Tránh sa đà vào kể chuyện, cần làm nổi bật đặc điểm, hình ảnh, hoạt động của đối tượng.

Một số đề văn và dàn ý tham khảo:

Đề 1: Tả quang cảnh buổi lễ chào cờ đầu tuần ở trường em

1/ **Mở bài:** Giới thiệu địa điểm, thời gian nơi diễn ra buổi lễ chào cờ. khung cảnh chung của sân trường trước lúc chào cờ.

2/ **Thân bài:** tả chi tiết

Miêu tả những nét nổi bật, tiêu biểu trước lúc chào cờ, trong khi chào cờ, nội dung chính của lễ chào cờ, sau lễ chào cờ.

a) Trước lúc chào cờ:

Sân trường ồn ào, vui nhộn, từng tốp học sinh nô đùa. Tổ trực đang làm các công việc chuẩn bị cho lễ chào cờ.

b) Trong lúc chào cờ:

Thầy cô giáo và học sinh các lớp đứng trang nghiêm, mắt hướng về lá cờ đỏ sao vàng đang từ từ kéo lên đỉnh cột cờ. Tiếng hát quốc ca trầm bổng, vang vọng.

c) Nội dung chính của lễ chào cờ:

- Tổng kết công việc đã làm được và chưa làm được trong tuần vừa qua.

- Hiệu trưởng nhà trường tuyên dương thành tích của cá nhân và các lớp đã đạt được và nêu những công việc của tuần tới.

d) Sau lễ chào cờ:

Học sinh tỏa về các phòng học, xếp hàng vào lớp chuẩn bị cho tiết học đầu tiên của ngày đầu tuần.

3/ Kết bài: nêu cảm nghĩ về buổi lễ chào cờ đầu tuần.

- Mỗi lần sinh hoạt dưới cờ ngày đầu tuần, em cảm thấy tự hào, vinh dự khi ngược nhìn lá cờ đỏ sao vàng của tổ quốc phấp phới tung bay.
- Em càng quyết tâm cao trong học tập và tu dưỡng đạo đức người học sinh.

Đề 2: Tả cảnh sân trường em vào giờ ra chơi

1/ Mở bài:

Giới thiệu giờ ra chơi: Thời gian, địa điểm ...

2/ Thân bài:

a- Tả bao quát:

- Cảnh sân trường lúc bắt đầu ra chơi (ồn ào, náo nhiệt hẳn lên).
- Hoạt động vui chơi của mọi người trong cảnh (các trò chơi được bày ra thật nhanh ...)

b- Tả chi tiết :

- Hoạt động vui chơi của từng nhóm (trai: đá cầu, rượt bắt, nữ: nhảy dây, chuyền banh)
- Đâu đó vài nhóm không thích chơi đùa ngồi ôn bài, hỏi nhau bài tính khó vừa học.
- Âm thanh (hỗn độn, đầy tiếng cười đùa, la hét, cãi vã)
- Không khí (nhộn nhịp, sôi nổi ...)

c- Cảnh sân trường sau giờ chơi:

Vắng lặng, lác đác vài chú chim sà xuống sân trường nhặt mấy mẩu bánh vụn.

3/ Kết bài

Nêu ích lợi của giờ chơi:

- Giải tỏa nỗi mệt nhọc.
- Thoải mái, tiếp thu bài học tốt hơn.

Đề 3: Tả con đường quen thuộc từ nhà em đến trường vào buổi sáng.

1/ Mở bài

Giới thiệu nét chung về con đường từ nhà đến trường.

Ấn tượng của em về con đường

2/ Thân bài

a) Tả hình ảnh con đường quen thuộc

- Con đường nhìn chung như thế nào? (Rộng hay hẹp? Đường đất hay trải nhựa)
- Hai bên đường (những hàng cây, những ngôi nhà).
- Xe cộ lưu thông vào buổi sáng(đông đúc, vắng vẻ...)

b) Con đường vào buổi sáng khi em đi học

- Nét riêng biệt của con đường vào lúc sáng sớm.
- Cảnh học sinh đi học: từng nhóm nhỏ, cách ăn mặc, cử chỉ, thái độ (hoặc cha mẹ đưa đến trường bằng xe máy)

3/ Kết bài:

Tình cảm của em đối với con đường.

LƯU Ý: Đây là một số dàn ý có tính chất tham khảo, HS cần tìm thêm một số đề văn tả cảnh khác.